

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2024/HNGĐ-ST
Ngày 10/4/2024
V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Thu Lan

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Nhơn
Ông Phạm Châu

- Thư ký phiên tòa: Bà Trà Thảo Vân Linh - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Kim Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Quảng Ngãi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 03/2023/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2023, về việc: “Ly hôn”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 26/02/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 39/2024/QĐST-HNGĐ ngày 12/3/2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Q – sinh năm 1994; cư trú tại xóm E, thôn M, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

Địa chỉ liên hệ: Số C đường số A, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Ông P – sinh năm 1967; cư trú tại số 12409 43RD AVE NE M, WA 98271 – 8739 USA. Số điện thoại: 424.737.1230.

(Bà Nguyễn Thị Q có mặt; ông P vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 27/3/2023, các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Q trình bày:

Sau một thời gian tìm hiểu và quyết định kết hôn, bà và ông P (quốc tịch Hoa Kỳ) đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) huyện B vào ngày 29/7/2019. Sau khi kết hôn, bà và ông P chung sống với nhau một thời

gian thì ông P trở về Hoa Kỳ. Thời gian đầu khi trở về Hoa Kỳ, ông P thường xuyên liên lạc với bà. Ông, bà bàn bạc sau một thời gian thì ông P sẽ về lại Việt Nam nhưng do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 nên ông P không về Việt Nam theo kế hoạch nhưng ông, bà vẫn thường xuyên liên lạc với nhau cho đến 02 năm trước, ông P nói không thể lo cho bà một cuộc sống tốt và ít nhần tin, điện thoại cho bà. Kể từ tháng 01/2022 cho đến nay, bà hoàn toàn không liên lạc được với ông P.

Nay, bà nhận thấy bà và ông P không còn tình cảm với nhau, không yêu thương, quan tâm chăm sóc lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông P.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có.

** Ngày 02/11/2023 và ngày 03/01/2024, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi nhận được tài liệu thể hiện người gửi là ông P (đã được công chứng, nhưng chưa được hợp pháp hóa lãnh sự), có nội dung:*

Sau thời gian tìm hiểu, ông và bà Nguyễn Thị Q đăng ký kết hôn tại UBND huyện B vào ngày 29/7/2019. Sau một thời gian, ông trở về Hoa Kỳ để tiếp tục công việc. Mặc dù cách xa nhau nhưng ông và bà Q vẫn thường xuyên gọi điện và giữ liên lạc với nhau. Ông có kế hoạch trở về Hoa Kỳ làm việc một thời gian, sau đó trở lại Việt Nam và bảo lãnh bà Q sang Hoa Kỳ, nhưng do ảnh hưởng của dịch Covid-19 nên ông không thể trở về Việt Nam như dự định. Trong suốt một năm sau, nhiều điều xảy ra với ông và ông cảm thấy không thể đem đến cho bà Q một cuộc sống tốt đẹp. Vì vậy, ông dần ít liên lạc với bà Q. Trong suốt thời gian đó ông, bà không có bất kỳ xung đột nào xảy ra. Bây giờ, ông nhận thấy không còn tình cảm với bà Q nữa nên ông đồng ý với yêu cầu ly hôn của bà Q. Giữa bà Q và ông không có con chung, tài sản chung, nợ chung.

** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, Điều 37, 68, 469, 473, 474, 475, 476, 477, 478 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về việc thụ lý, thẩm quyền giải quyết vụ án; xác định quan hệ pháp luật tranh chấp; xác định tư cách người tham gia tố tụng.*

Đối với người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; bị đơn chưa chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, Điều 37, 469, 474, 475, 476, 477 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 56, 123, 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo hướng: Chấp

nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Q; bà Nguyễn Thị Q được ly hôn ông P; về con chung, nợ chung, tài sản chung: Không có, nên không xem xét giải quyết; về án phí và chí phí tố tụng khác: Nguyên đơn tự nguyện chịu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Bà Nguyễn Thị Q có đơn khởi kiện xin ly hôn ông P, hiện đang cư trú tại số 12409 43RD AVE NE M, WA 98271 – 8739 USA. Do đó, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi thụ lý, giải quyết là đúng theo quy định tại Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Bị đơn là ông P đã nhận được Thông báo về việc thụ lý vụ án số 03/TB-TLVA ngày 10/4/2023 của Tòa án. Trong Thông báo về việc thụ lý vụ án, Tòa án đã ấn định thời gian, địa điểm mở phiên tòa, nhưng ông P không có mặt tại phiên tòa, không có đơn xin xét xử vắng mặt hợp pháp. Căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228, khoản 5 Điều 477 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông P.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Q và ông P có đăng ký kết hôn tại UBND huyện B, tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 29/7/2019, nên hôn nhân của bà Nguyễn Thị Q và ông P là hợp pháp.

Theo bà Q sau khi kết hôn, bà và ông P chung sống với nhau một thời gian ngắn thì ông P trở về Hoa Kỳ. Thời gian đầu khi trở về Hoa Kỳ, ông P thường xuyên liên lạc với bà. Bà và ông P bàn bạc sau một thời gian thì ông P sẽ về Việt Nam, nhưng do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 nên ông P không về Việt Nam theo kế hoạch, nhưng bà và ông P vẫn thường xuyên liên lạc với nhau cho đến 02 năm trước, ông P nói không thể lo cho bà một cuộc sống tốt và ít nhần tin, điện thoại cho bà. Kể từ tháng 01/2022 cho đến nay, bà hoàn toàn không liên lạc được với ông P. Nay, bà nhận thấy bà không còn tình cảm với ông P, không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông P.

Xét yêu cầu của bà Nguyễn Thị Q, Hội đồng xét xử nhận thấy: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành thực hiện thủ tục ủy thác tư pháp, tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho ông P theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tại Văn bản số 3001/BTP-PLQT ngày 10/11/2023 của Bộ Tư pháp về việc thông báo kết quả ủy thác tư pháp thể hiện: *Cơ quan có thẩm quyền của Hợp chủng quốc Hoa Kỳ đã thực hiện ủy thác tư pháp vào ngày 14/9/2023 bằng phương thức: Tổng đạt hồ sơ trực tiếp cho ông P.*

Ngoài ra, theo tài liệu mà Tòa án nhận thể hiện người gửi là ông P (đã được công chứng, nhưng chưa được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 478 Bộ luật tố tụng dân sự 2015) thể hiện ông P cũng đồng ý ly hôn với bà Nguyễn Thị Q. Do đó, để tạo điều kiện cho cả hai ổn định cuộc sống mới, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Q, được ly hôn với ông P

[2.2] Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Bà Q xác định không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Bà Q phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về quan hệ hôn nhân, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai số 0005488 ngày 06/4/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi. Bà Q đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Về chi phí tố tụng khác: Bà Q phải chịu 200.000 đồng lệ phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài theo quy định tại khoản 3 Điều 153 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 200.000 đồng theo Biên lai số 0005491 ngày 11/4/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi. Bà Q đã nộp đủ lệ phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài; chi phí dịch thuật 1.000.000 đồng và chi phí ủy thác tư pháp 95 USD, bà Q tự nguyện chịu. Bà Q đã nộp và chi phí xong.

[5] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 37, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 153, khoản 2 Điều 227, Điều 228, 235, 266, 271, khoản 1 Điều 273, khoản 5 Điều 477, khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 122, 123, 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Q được ly hôn ông P.
2. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị Q xác định không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.
3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Q phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm ngàn*) án phí dân sự sơ thẩm về quan hệ hôn nhân, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (*ba trăm ngàn*) theo Biên lai số 0005488 ngày 06/4/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi. Bà Nguyễn Thị Q đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.
4. Về chi phí tố tụng khác: Bà Nguyễn Thị Q phải chịu 200.000 đồng (*hai trăm ngàn*) lệ phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài, nhưng được trừ vào số tiền tạm

ứng lệ phí đã nộp là 200.000 đồng (*hai trăm ngàn*) theo Biên lai số 0005491 ngày 11/4/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi. Bà Nguyễn Thị Q đã nộp đủ lệ phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài; chi phí dịch thuật 1.000.000 đồng (*một triệu*) và chi phí ủy thác tư pháp 95 USD (*chín mươi lăm đô la Mỹ*), bà Nguyễn Thị Q tự nguyện chịu. Bà Nguyễn Thị Q đã nộp và chi phí xong.

Bà Nguyễn Thị Q có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày, kể từ ngày tuyên án. Ông P không có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 (*một*) tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Cục THADS tỉnh Quảng Ngãi;
- UBND huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án; Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(*Đã ký và đóng dấu*)

Trịnh Thị Thu Lan